TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HS-PT
Ngày: 15 – 5 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ích Yên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân

Ông Hoàng Văn Giang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà:* Bà Dương Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 21/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Ma Đình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo:

Họ và tên: **MA ĐÌNH D**; Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1986, tại Thái Nguyên; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Ma Văn H, sinh năm: 1963 và con bà Vi Thị V, sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng S – Chức vụ: Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, tỉnh Thái Nguyên. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo pháp luật: Bà Chu Thị Lệ H2 – Chủ tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Văn N, sinh năm 1971 – Chức vụ: Công chức địa chính, nông nghiệp, xây dựng và môi trường xã T

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 (Có mặt tại phiên toà).

Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/6/2000 Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q693693, số vào số 00286QSDĐ/4011/1998/QĐ-UB/H cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, trú tại xóm L, xã T, huyện V quản lý sử dụng 141.700m² đất rừng gồm các thửa 75, 96, 97, 98, 99 khoảnh 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998 là đất trống và đất rừng tự nhiên thuộc xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T không canh tác, trồng cây trên phần đất rừng tự nhiên.

Cũng trong một phần diện tích đất rừng tự nhiên tại các thửa đất trên vào khoảng năm 1997, khi ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông Hoàng Văn H3 cùng cư trú tại xóm L, xã T, huyện V (hiện nay ông H3 đã chết), đã tự sử dụng canh tác. Đến năm 2004 ông H3 không canh tác nữa mà giao cho cháu họ là Ma Đình D, sinh năm 1986, cư trú tại xóm L, xã T, huyện V trông coi để trồng cây lương thực. Do trồng cây lương thực không năng suất, nên từ năm 2005 D không canh tác nữa mà để các cây mọc tự nhiên. Sau đó D có nhu cầu trồng cây Keo, Bạch đàn lấy gỗ bán để phát triển kinh tế, nhưng D không làm các thủ tục đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép cắt hạ cây trên bề mặt rừng để lấy đất trống trồng cây. Nên từ tháng 10/2021 đến tháng 3/2022 Ma Đình D đã một mình dùng dao, cưa máy (cưa xăng) cắt hạ các cây gỗ và đốt cây bụi mọc trên bề mặt đất rừng. Sau khi đốt dọn xong D chưa trồng cây mới trên diện tích đất rừng này.

Đến ngày 07/4/2022 UBND xã T kiểm tra phát hiện thửa đất Ma Đình D đã phá, đốt dọn thuộc thửa đất số 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T năm 2006, chỉnh lý năm 2013 (thuộc lô 2, khoảnh 9C, tiểu khu A Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã T; thuộc thửa đất số 97, 99 khoảnh 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998) là rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản xuất nên đã tiến hành lập biên bản sự việc. Ngày 26/4/2022 UBND xã T đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Hạt kiểm lâm huyện V để giải quyết. Sau khi xác minh giải quyết ban đầu, ngày

03/6/2022 Hạt kiểm lâm huyện V chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã phối hợp với các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, tại hiện trường quá trình kiểm đếm xác định có 108 gốc cây bị cắt hạ (xác định được tên 15 loại cây gỗ), phần cây bị cắt hạ không còn lại ở hiện trường. Số lượng lâm sản đã bị chặt, phát, đốt và thiệt hại về kinh tế, thời điểm khai thác không xác định được do số lượng lâm sản bị cắt phá không còn lại hiện trường và không thu giữ được.

Tại kết luận giám định số: 332-2023/KL/LNNĐ ngày 29/12/2023 của V1 nhiệt đới kết luận:

- Vị trí chặt, phát, đốt thuộc thửa 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã T năm 2006 chỉnh lý năm 2013 thuộc quy hoạch rừng sản xuất đảm bảo tiêu chí rừng tự nhiên theo quy định tại Điều 4, Mục 1, Chương II, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

- Diện tích bị chặt, phát, đốt là 7.283m².

- Các mẫu gỗ gửi giám định thuộc các nhóm từ V đến VIII đều là loài thực hiện thông thường, không có tên trong Sách đỏ Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành về các loài thực vật nguy cấp, quý hiếm, bị đe doạ tuyệt chủng (có bảng kê kèm theo bản kết luận).

- Về khối lượng lâm sản, thiệt hại kinh tế, thời điểm bị chặt, phát, đốt: Chưa đủ hồ sơ, tài liệu để xác định.

Vật chứng của vụ án: 01 cưa máy vỏ màu đỏ, 01 lam xích kim loại; 01 con dao kim loại, cán dài 56,5cm, lưỡi cong một cạnh sắc dài 19cm đều cũ, đã qua sử dụng là cưa Ma Đình D dùng phát phá gỗ trái phép do D giao nộp. Trong quá trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 108 mẫu gỗ, đã lấy 15 mẫu phục vụ cho công tác giám định. Còn lại 93 mẫu gỗ kích thước không đồng đều, đã khô. Những vật chứng này hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai chờ xử lý.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2025/HSST ngày 25/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Ma Đình D phạm tội: "Huỷ hoại rừng". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Ma Đình D 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 243 BLHS, phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 10/3/2025, bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án. Ngày 11/3/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ma Đình D và ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo nhưng không đưa ra các vi phạm tố tụng và các yêu cầu cụ thể, bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Trong phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo D và phạm vi, nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, xác địnhTòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Ma Đình D về tội "Hủy hoại rừng" là có căn cứ, đúng tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo Ma Đình D là phù hợp, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Đình D và kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo tranh luận: Bị cáo là người trình báo cơ quan chức năng chứ không phải cơ quan kiểm lâm phát hiện, ngoài ra bị cáo cho rằng trong cùng thời điểm bị cáo chặt cây, có một số hộ dân khác cùng chặt cây như bị cáo nhưng lại được xử phạt án treo còn bị cáo bị xử phạt tù giam.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông T tranh luận: Ông là người được giao đất rừng từ năm 1998, đến năm 20002 được cấp sổ, trong suốt thời gian đó ông không biết có việc người dân chặt phá rừng, ông đề nghị xác định lại tư cách tố tụng của ông trong vụ án là nguyên đơn dân sự, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên sau khi đối đáp với bị cáo D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Ma Đình D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T gửi trong trong thời hạn theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo trong qúa trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 10/2021 đến tháng 3/2022, Ma Đình D không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép, nhưng đã tự ý dùng dao phát dọn đốt cây bụi, dùng cưa máy chặt phát 108 cây bị chặt gồm 15 chủng loại khác nhau trên tổng diện tích 7.283m² tại thửa số 204 tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính xã T năm 2006 chỉnh lý năm 2013 (thuộc lô 2, khoản 9C, tiểu khu A Bản đồ quy hoạch 03 loại rừng; thửa đất số 97, 99 khoảnh 15, tiểu khu C Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998) là rừng sản xuất trạng thái rừng tự nhiên thuộc xóm L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Mục đích chặt phá của Ma Đình D là lấy diện tích đất trống để trồng cây mới phát triển kinh tế. Diện tích rừng này UBND huyện V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956, trú tại xóm L, xã T, huyện V ngày 20/6/2000.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ma Đình D về tội "Huỷ hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Ma Đình D**:**

Bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản kiểm tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm rừng là tài sản được pháp luật bảo vệ. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, phù hợp bản chất vụ việc.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới, không chứng minh được việc xử án có sai lầm về tố tụng hoặc áp dụng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T**:**

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng với tương cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không đề cập, xét xử hay quyết định nội dung nào liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông T.

Căn cứ Điều 65; khoản 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án đối với những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình.

Do bản án sơ thẩm không quyết định vấn đề gì liên quan đến ông Nguyễn Văn T, đồng thời ông T cũng không có yêu cầu đề nghị xét xử về quyền, nghĩa vụ

của mình trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định ông T không thuộc trường hợp được quyền kháng cáo toàn bộ bản án theo điều kiện luật định.

Vì những lẽ trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

[5]. Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[6]. Về án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Do kháng cáo không được chấp nhận, bị cáo Ma Đình D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đồng thời, án phí hình sự sơ thẩm đã được xác định trong bản án sơ thẩm là 200.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ nộp án phí này.

Đối với ông Nguyễn Văn T, do là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, nên được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ, áp dụng pháp luật của cấp phúc thẩm:

- Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ma Đình D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 03/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

- Điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ma Đình D phạm tội: "Huỷ hoại rừng".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ma Đình D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

4. Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo 20 (hai mươi) triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ma Đình D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ nhà nước.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ma Đình D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 03/2025/HSST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Võ Nhai;
- VKSND huyện Võ Nhai;
- Chi cục THADS huyện Võ Nhai;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ích Yên